

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TÍN HOÀNG
(Tiền thân là Công ty TNHH Tín Hoàng)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 14

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng (tiền thân là Công ty TNHH Tín Hoàng) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đinh Thị Thu Hiền	Chủ tịch
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Ủy viên
Ông Lê Hồng Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Đinh Thị Thu Hiền	Giám đốc
Ông Lê Hồng Sơn	P. Giám đốc
Ông Yên Chin Cheng	P. Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 14, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thủy mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 01 năm 2011

Số. 03.1/BCKT 2011/ACA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng (tiền thân là Công ty TNHH Tín Hoàng) (gọi tắt là "Công ty") từ trang 3 đến trang 14 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 14. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng (tiền thân là Công ty TNHH Tín Hoàng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan.



Trần Văn Thức
Tổng Giám đốc

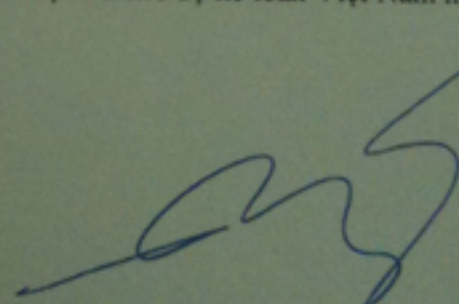
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 554/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011



Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		10.358.856.943	7.400.276.914
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	967.990.708	687.020.156
1. Tiền	111		967.990.708	687.020.156
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		4.171.023.670	2.197.931.602
1. Phải thu khách hàng	131		3.103.295.914	1.814.878.218
2. Trả trước cho người bán	132		1.034.201.800	117.100.900
5. Các khoản phải thu khác	135		33.525.956	265.952.484
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.751.542.956	3.803.805.783
1. Hàng tồn kho	141	6	3.751.542.956	3.803.805.783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.468.299.609	711.519.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		397.911.851	215.980.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.218.323	21.949.679
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		967.635	5.185.266
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1.034.201.800	468.403.600
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		5.864.240.050	3.716.659.964
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.864.240.050	3.716.659.964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.384.933.277	2.821.823.100
- Nguyên giá	222		5.387.278.273	3.491.606.735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.002.344.996)	(669.783.635)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	796.990.595	-
- Nguyên giá	228		825.454.545	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.463.950)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	682.316.178	894.836.864
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		16.223.096.993	11.116.936.878

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.977.814.970	2.083.740.171
I. Nợ ngắn hạn	310		3.977.814.970	2.083.740.171
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		1.929.664.345	1.293.410.111
3. Người mua trả tiền trước	313		1.947.263.642	693.741.148
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	95.487.483	91.908.912
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		5.399.500	4.680.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		12.245.282.023	9.033.196.707
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	12	12.245.282.023	9.033.196.707
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	9.000.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		245.282.023	33.196.707
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		16.223.096.993	11.116.936.878



Đinh Thị Thu Hiền
 Giám đốc
 Nghệ An, ngày 12 tháng 01 năm 2011

Trần Thị Nhài
 Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	3.431.905.398	2.663.128.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	13	3.431.905.398	2.663.128.183
4. Giá vốn hàng bán	11	14	2.441.324.716	1.838.765.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		990.580.682	824.362.518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.298.365	1.243.345
7. Chi phí tài chính	22		-	7.280.255
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		370.962.589	490.131.663
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		502.699.553	293.469.622
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		119.216.905	34.724.323
11. Thu nhập khác	31	15	190.476.190	1.004.666.667
12. Chi phí khác	32	15	42.789.682	994.602.657
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	15	147.686.508	10.064.010
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		266.903.413	44.788.333
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	46.708.097	11.600.178
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		220.195.316	33.188.155
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Đinh Thị Thu Hiền
 Giám đốc
 Nghệ An, ngày 12 tháng 01 năm 2011

Trần Thị Nhài
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		266.903.413	44.788.333
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		532.184.041	296.401.422
- Lãi, (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05		(149.984.873)	(11.307.355)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		649.102.581	329.882.400
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(2.843.979.041)	(1.824.771.155)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		52.262.827	(1.049.029.090)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		1.512.300.912	(1.016.295.091)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(181.931.023)	44.478.089
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(137.207.827)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		147.267.518	4.666.667
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(802.184.053)	(3.511.068.180)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.109.619.950)	(825.454.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		190.476.190	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.298.365	1.243.345
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.916.845.395)	175.788.800
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.000.000.000	3.871.009.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.000.000.000	3.871.009.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		280.970.552	535.729.620
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		687.020.156	151.290.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		967.990.708	687.020.156



Đinh Thị Thu Hiền
 Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 01 năm 2011

Trần Thị Nhài
 Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Tín Hoàng, là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 2900753835 ngày 14 tháng 06 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp Vốn Điều lệ của Công ty là 18.000.000.000 đồng.

Từ ngày 14 tháng 06 năm 2006 đến ngày 30 tháng 12 năm 2010 là Công ty TNHH Tín Hoàng. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2010 đến nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng, vốn điều lệ 18.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng đặt tại: Phòng 1205, Nhà B, Khu Tecco, phường Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất đá các loại, chế biến các sản phẩm từ đá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ khai thác khoáng sản, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán khoáng sản, thủy sản;
- Khai thác đá. Cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

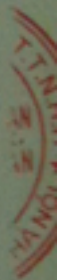
Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

4.6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền khai thác Mỏ của Công ty. Giá trị quyền khai thác Mỏ được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.8 Các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn phát sinh phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng vào kết quả sản xuất kinh doanh bao gồm: Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần với giá trị lớn.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ ngày được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả cổ gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.12 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	803.934.326	657.974.307
Tiền gửi ngân hàng	164.056.382	29.045.849
Cộng	967.990.708	687.020.156

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TÍN HOÀNG

Phòng 1205, Nhà B, Khu Tecco, phường Quang Trung

TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	242.451.729	231.682.068
Công cụ, dụng cụ	238.905.330	164.799.172
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.895.023.104	923.176.362
Thành phẩm	346.064.784	304.998.198
Hàng hoá	29.098.009	2.179.149.983
Cộng	3.751.542.956	3.803.805.783

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tạm ứng	1.034.201.800	468.403.600
Cộng	1.034.201.800	468.403.600

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư ngày 31/12/2008	6.666.667	1.672.741.202	1.812.198.866	3.491.606.735
Tăng trong năm	69.382.319	923.558.432	1.116.679.199	2.109.619.950
Mua trong năm	69.382.319	923.558.432	1.116.679.199	2.109.619.950
Giảm trong năm	-	-	213.948.412	213.948.412
Thanh lý, nhượng bán	-	-	213.948.412	213.948.412
Số dư ngày 31/12/2009	76.048.986	2.596.299.634	2.714.929.653	5.387.278.273
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư ngày 31/12/2008	6.666.667	329.990.042	333.126.926	669.783.635
Tăng trong năm	6.448.527	134.707.424	362.564.140	503.720.091
Khấu hao trong năm	6.448.527	134.707.424	362.564.140	503.720.091
Giảm trong năm	-	-	171.158.730	171.158.730
Thanh lý, nhượng bán	-	-	171.158.730	171.158.730
Số dư ngày 31/12/2009	13.115.194	464.697.466	524.532.336	1.002.344.996
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2008	-	1.342.751.160	1.479.071.940	2.821.823.100
Tại ngày 31/12/2009	62.933.792	2.131.602.168	2.190.397.317	4.384.933.277

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TÍN HOÀNGPhòng 1205, Nhà B, Khu Tecco, phường Quang Trung
TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư ngày 31/12/2008	-	-
- Tăng khác	825.454.545	825.454.545
Số dư ngày 31/12/2009	<u>825.454.545</u>	<u>825.454.545</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số ngày 31/12/2008	-	-
- Khấu hao trong năm	28.463.950	28.463.950
- Giảm trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	<u>28.463.950</u>	<u>28.463.950</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2008	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<u>796.990.595</u>	<u>796.990.595</u>

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 01 tháng 01	894.836.864	69.382.319
Tăng	612.933.859	825.454.545
Kết chuyển tăng giá trị tài sản cố định	825.454.545	-
Tại ngày 31 tháng 12	682.316.178	894.836.864

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế GTGT phải nộp	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	7.500.000	88.553.556
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.999.994	3.355.356
Thuế TNDN	82.987.489	-
Cộng	<u>95.487.483</u>	<u>91.908.912</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TÍN HOÀNG

Phòng 1205, Nhà B, Khu Tecco, phường Quang Trung

TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn Điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2007	5.128.991.000	25.971.758	5.154.962.758
Tăng trong năm	3.871.009.000	7.224.949	3.878.233.949
- Tăng vốn (*)	3.871.009.000		3.871.009.000
- Lãi	-	7.224.949	7.224.949
Giảm trong năm	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2008	9.000.000.000	33.196.707	9.033.196.707
Tăng trong năm	3.000.000.000	220.195.316	3.220.195.316
- Tăng vốn (**)	3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Lãi	-	220.195.316	220.195.316
Giảm trong năm	-	8.110.000	8.110.000
- Giảm khác	-	8.110.000	8.110.000
Số dư tại ngày 31/12/2009	12.000.000.000	245.282.023	12.245.282.023

(*) Năm 2008, Công ty tăng vốn chủ sở hữu thêm 3.871.009.000 đồng bằng tiền mặt của Bà Đinh Thị Thu Thảo và Bà Đinh Thị Thu Hiền.

(**) Năm 2009, Công ty tăng vốn chủ sở hữu thêm 3.000.000.000 đồng bằng tiền mặt của Bà Đinh Thị Thu Hiền.

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa	228.457.100	798.201.144
Doanh thu bán các thành phẩm	3.110.783.598	1.864.927.039
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.664.700	-
Cộng	3.431.905.398	2.663.128.183

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	182.765.680	718.381.030
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.177.548.519	1.120.384.635
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	81.010.517	-
Cộng	2.441.324.716	1.838.765.665

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
THU NHẬP KHÁC		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	190.476.190	1.000.000.000
Thu nhập khác	-	4.666.667
Cộng	190.476.190	1.004.666.667
CHI PHÍ KHÁC		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	42.789.682	994.602.657
Cộng	42.789.682	994.602.657
LỢI NHUẬN KHÁC	147.686.508	10.064.010

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập chịu thuế	266.903.413	44.788.333
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	66.725.853	12.540.733
Thuế thu nhập được giảm (30%) (*)	20.017.756	940.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	46.708.097	11.600.178

(*) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, Công ty đáp ứng một trong hai điều kiện được xem xét giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý IV/2008 và năm 2009.

17. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty không có khoản cam kết nào tính đến ngày 31/12/2009.

18. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không có công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2009.

19. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH Tín Hoàng chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Tín Hoàng theo giấy Đăng ký kinh doanh số 2900753835 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp với vốn Điều lệ là 18.000.000.000 đồng.

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được phân loại cho phù hợp.



Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 01 năm 2011

Trần Thị Nhài
Kế toán trưởng